

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
LIÊN CHI HỘI KHOA VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026

- 1. Tên hoạt động:** Gây Quỹ Vì Trẻ Em Khó Khăn
- 2. Thời gian tổ chức:** từ ngày 15/12/2025 đến ngày 31/12/2025
- 3. Địa điểm tổ chức:** Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM,
- 4. Thông tin người phụ trách:** Nguyễn Nhật Đăng – Liên chi Hội trưởng (0949216448).
- 4. Danh sách sinh viên tham gia:**

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
1	19110266	Trương Hoàng Tuấn Anh	Toán - Tin học
2	19110427	Mai Anh Sơn	Toán - Tin học
3	21110219	Nguyễn Đặng Phương Uyên	Toán - Tin học
4	21120411	Sân Dịch Anh	Công nghệ thông tin
5	21120581	Lê Phan Thủy Trúc	Công nghệ thông tin
6	21150088	Nguyễn Thái Tường Nhi	Sinh học - Công nghệ sinh học
7	21150191	Lê Ngọc Hân	Sinh học - Công nghệ sinh học
8	22110033	Lê Thị Hồng Đăng	Toán - Tin học
9	22110125	Phan Thị Thúy Nga	Toán - Tin học
10	22120109	Phạm Ngọc Hoà	Công nghệ thông tin
11	22130132	Nguyễn Thị Khánh Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
12	22140194	Trần Ngọc Thảo	Hóa học
13	22150023	Huỳnh Ngọc Bảo Châu	Sinh học - Công nghệ sinh học
14	22150087	Trịnh Phó Hồng Nhung	Sinh học - Công nghệ sinh học
15	22150108	Nguyễn Ngọc Anh Thi	Sinh học - Công nghệ sinh học
16	22150128	Huỳnh Hoàng Tú	Sinh học - Công nghệ sinh học
17	22170003	Lê Thị Vân Anh	Môi trường
18	22180081	Bùi Xuân Khánh	Sinh học - Công nghệ sinh học
19	22180101	Lê Giang Long	Sinh học - Công nghệ sinh học

20	22180113	Lê Hữu Nam	Sinh học - Công nghệ sinh học
21	22190001	Võ Thúy An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
22	22190069	Lê Phương Quyên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
23	23110022	Nguyễn Châu Hoàng Duy Khang	Toán - Tin học
24	23110030	Dương Trọng Nguyên	Toán - Tin học
25	23110050	Ngô Thị Cẩm Tiên	Toán - Tin học
26	23110080	Huỳnh Như Hân	Toán - Tin học
27	23110098	Võ Đoàn Nguyên Lộc	Toán - Tin học
28	23110101	Trần Thị Bình Minh	Toán - Tin học
29	23110103	Đặng Thị Diễm My	Toán - Tin học
30	23110107	Lê Thành Nhân	Toán - Tin học
31	23110123	Lê Huỳnh Yến Vy	Toán - Tin học
32	23110136	Võ Nguyễn Băng Châu	Toán - Tin học
33	23110146	Phạm Ngọc Hào	Toán - Tin học
34	23110158	Trịnh Tuấn Hưng	Toán - Tin học
35	23110171	Nguyễn Thanh Khiết	Toán - Tin học
36	23110204	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Toán - Tin học
37	23122022	Trần Hoàng Gia Bảo	Công nghệ thông tin
38	23122025	Phạm Ngọc Duy	Công nghệ thông tin
39	23130018	Nguyễn Thị Hạnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
40	23130204	Phạm Trọng Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
41	23130250	Trương Vĩnh Thế Trình	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
42	23140037	Mai Nguyễn Khánh Linh	Hóa học
43	23140083	Lê Nguyễn Khánh Hà	Hóa học
44	23140094	Trần Thị Mỹ Hạnh	Hóa học
45	23140130	Phan Tấn Lộc	Hóa học
46	23140151	Lê Uyên Phương Nghi	Hóa học
47	23140154	Nguyễn Kim Ngọc	Hóa học
48	23140187	Cao Thị Diễm Quỳnh	Hóa học
49	23140207	Võ Thị Thanh Thảo	Hóa học
50	23140208	Đặng Minh Thiện	Hóa học
51	23140231	Thạch Thảo Trân	Hóa học
52	23150006	Võ Hà Hồng Cẩm	Sinh học - Công nghệ sinh học
53	23150043	Lê Thị Thanh Tuyền	Sinh học - Công nghệ sinh học
54	23150065	Trương Nguyễn Ngọc Ánh	Sinh học - Công nghệ sinh học

55	23150078	Phạm Thị Thùy Dung	Sinh học - Công nghệ sinh học
56	23150084	Nguyễn Ngọc Hân	Sinh học - Công nghệ sinh học
57	23150116	Ngô Gia Lộc	Sinh học - Công nghệ sinh học
58	23150130	Nghiêm Quỳnh Ngân	Sinh học - Công nghệ sinh học
59	23150140	Đỗ Thái Ngọc	Sinh học - Công nghệ sinh học
60	23150144	Đặng Thị Hạnh Nguyên	Sinh học - Công nghệ sinh học
61	23150186	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Sinh học - Công nghệ sinh học
62	23170032	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Môi trường
63	23170065	Nguyễn Hoàng Phi	Môi trường
64	23170088	Phan Thị Tuyết Trinh	Môi trường
65	23170098	Nguyễn Thị Thanh Vân	Môi trường
66	23180213	Nguyễn Hoàng Hạ Vy	Sinh học - Công nghệ sinh học
67	23190004	Nguyễn Hồng Hạnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
68	23190005	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
69	23190065	Phạm Lê Phi Long	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
70	23190128	Huỳnh Ngọc Như Ý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
71	23210006	Nguyễn Khánh Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
72	23230011	Lê Hoàng Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
73	23230042	Đỗ Thị Hồng Thắm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
74	23250039	Trần Võ Trà My	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
75	23250040	Ho Trí Nguyên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
76	23260001	Nguyễn Kiến Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
77	23260013	Tô Phan Bảo Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
78	23260025	Lâm Minh Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
79	23260026	Võ Hoàng Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
80	23260027	Huỳnh Nguyễn Thúy Ngân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
81	23260030	Nguyễn Thành Nghĩa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
82	23260049	Trần Minh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
83	23260050	Phạm Quỳnh Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

84	24110027	Vũ Hoàng Vĩnh Khang	Toán - Tin học
85	24110043	Lâm Hà Quỳnh Như	Toán - Tin học
86	24110095	Tô Quang Nhật	Toán - Tin học
87	24110097	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	Toán - Tin học
88	24110107	Nguyễn Việt Tiến	Toán - Tin học
89	24110121	Nguyễn Hải Anh	Toán - Tin học
90	24110131	Trần Thiên Bảo	Toán - Tin học
91	24110135	Dương Thành Đạt	Toán - Tin học
92	24110136	Nguyễn Quang Đạt	Toán - Tin học
93	24110137	Nguyễn Quốc Đạt	Toán - Tin học
94	24110141	Trần Tấn Đạt	Toán - Tin học
95	24110144	Nguyễn Xuân Đức	Toán - Tin học
96	24110146	Nguyễn Trương Trí Dũng	Toán - Tin học
97	24110149	Phạm Trần Khánh Duy	Toán - Tin học
98	24110156	Lý Nhật Hào	Toán - Tin học
99	24110158	Lê Hoài Hậu	Toán - Tin học
100	24110161	Đặng Thanh Hòa	Toán - Tin học
101	24110164	Đặng Phước Hùng	Toán - Tin học
102	24110165	Nguyễn Phi Hùng	Toán - Tin học
103	24110174	Nguyễn Quốc Huy	Toán - Tin học
104	24110207	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	Toán - Tin học
105	24110224	Nguyễn Phan Hoàng Phúc	Toán - Tin học
106	24110225	Nguyễn Hữu Phước	Toán - Tin học
107	24110253	Đường Minh Tiến	Toán - Tin học
108	24110264	Nguyễn Minh Trục	Toán - Tin học
109	24110268	Nguyễn Tiến Anh Tú	Toán - Tin học
110	24120006	Đào Thanh Phong	Công nghệ thông tin
111	24120041	Phạm Võ Đức	Công nghệ thông tin
112	24120070	Vương Hữu Khang	Công nghệ thông tin
113	24120078	Tôn Thất Kiên	Công nghệ thông tin
114	24120099	Trần Thanh Nam	Công nghệ thông tin
115	24120105	Lý Thảo Nguyên	Công nghệ thông tin
116	24120110	Nguyễn Hoàng Nhật	Công nghệ thông tin
117	24120112	Phù Yến Nhi	Công nghệ thông tin
118	24120117	Nguyễn Quang Phát	Công nghệ thông tin
119	24120129	Đỗ Quỳnh	Công nghệ thông tin
120	24120145	Nguyễn Anh Thư	Công nghệ thông tin
121	24120153	Nguyễn Lê Anh Tuấn	Công nghệ thông tin
122	24120160	Mai Thảo Vy	Công nghệ thông tin
123	24120168	Đoàn Ngọc Bảo	Công nghệ thông tin
124	24120170	Phạm Gia Bảo	Công nghệ thông tin

125	24120192	Trần Nguyễn Quốc Khánh	Công nghệ thông tin
126	24120194	Võ Minh Khoa	Công nghệ thông tin
127	24120212	Huỳnh Thành Phát	Công nghệ thông tin
128	24120239	Phí Công Tuấn	Công nghệ thông tin
129	24120283	Nguyễn Tiến Đạt	Công nghệ thông tin
130	24120290	Lê Tấn Dũng	Công nghệ thông tin
131	24120327	Trịnh Đỗ Minh Huy	Công nghệ thông tin
132	24120339	Lê Quốc Khánh	Công nghệ thông tin
133	24120363	Mau Gia Lạc	Công nghệ thông tin
134	24120364	Nguyễn Đức Lâm	Công nghệ thông tin
135	24120365	Nguyễn Công Lãm	Công nghệ thông tin
136	24120371	Đỗ Hoàng Long	Công nghệ thông tin
137	24120415	Vũ Lê Bá Phúc	Công nghệ thông tin
138	24120416	Đoàn Thế Phùng	Công nghệ thông tin
139	24120433	Lê Tấn Tài	Công nghệ thông tin
140	24120439	Cái Hoàng Thái	Công nghệ thông tin
141	24120445	Vũ Hồ Nguyên Thắng	Công nghệ thông tin
142	24122011	Phạm Nguyên Phương	Công nghệ thông tin
143	24122021	Lê Bảo Phúc	Công nghệ thông tin
144	24122028	Trần Xuân Bách	Công nghệ thông tin
145	24122029	Nguyễn Cao Bản	Công nghệ thông tin
146	24122038	Phạm Chấn Khoa	Công nghệ thông tin
147	24122039	Nguyễn Đỗ Bảo Kiên	Công nghệ thông tin
148	24130015	Nguyễn Minh Hậu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
149	24130017	Nguyễn Doãn Trung Hiếu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
150	24130018	Lê Hữu Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
151	24130019	Trần Huy Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
152	24130030	Nguyễn Hoàng Minh Kha	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
153	24130039	Trần Văn Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
154	24130043	Lê Trịnh Nhật Linh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
155	24130044	Phạm Việt Linh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
156	24130048	Lê Quốc Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
157	24130049	Ngô Đăng Tuấn Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
158	24130050	Phạm Thành Luân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
159	24130051	Lê Quang Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
160	24130055	Phạm Hoàng Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
161	24130057	Đoàn Thiện Nhân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
162	24130060	Phạm Thiên Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
163	24130063	Phan Thiên Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
164	24130064	Nguyễn Hữu Phước	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
165	24130072	Trần Thành Tâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

166	24130078	Bùi Phước Thịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
167	24130079	Lê Võ Bích Thùy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
168	24130084	Nguyễn Phú Trọng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
169	24130086	Nguyễn Hoàng Thanh Uyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
170	24130112	Nguyễn Huy Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
171	24130118	Phạm Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
172	24130123	Lê Toàn Thịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
173	24130133	Lê Tấn Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
174	24130143	Lê Nguyễn Minh Chính	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
175	24130147	Nguyễn Trần Nhiên Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
176	24130153	Mai Phước Thành Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
177	24130172	Trần Nguyễn Minh Hằng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
178	24130173	Đỗ Ngọc Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
179	24130179	Ngô Quang Hiệp	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
180	24130192	Nguyễn Quang Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
181	24130195	Trần Phước Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
182	24130196	Trần Quốc Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
183	24130203	Nguyễn Đình Khiêm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
184	24130205	Nguyễn Trần Đăng Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
185	24130217	Nguyễn Nhật Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
186	24130222	Nguyễn Thành Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
187	24130241	Phạm Trung Phước	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
188	24130252	Dương Quốc Tài	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
189	24130257	Tổng Hoàng Tâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
190	24130264	Lê Quang Thử	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
191	24130267	Nguyễn Hoàng Thuận	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
192	24130275	Trần Trọng Trí	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
193	24130279	Phạm Duy Khánh Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
194	24130290	Nguyễn Hoàng Vinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
195	24137098	Lê Hoàng Thảo Vi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
196	24140084	Bùi Tấn Đạt	Hóa học
197	24140092	Lý Bảo Điền	Hóa học
198	24140171	Phạm Thùy Ngân	Hóa học
199	24140186	Thái Minh Phi	Hóa học
200	24140215	Lương Thị Bảo Trân	Hóa học
201	24150014	Dương Thị Mỹ Duyên	Sinh học - Công nghệ sinh học
202	24150079	Dương Trần Băng Tâm	Sinh học - Công nghệ sinh học
203	24150085	Nguyễn Thị Mai Thơ	Sinh học - Công nghệ sinh học

204	24150098	Nguyễn Thị Bích Trâm	Sinh học - Công nghệ sinh học
205	24150101	Trần Bảo Trân	Sinh học - Công nghệ sinh học
206	24150133	Đào Ngọc Bảo Châu	Sinh học - Công nghệ sinh học
207	24150137	Lê Văn Dư	Sinh học - Công nghệ sinh học
208	24150152	Nguyễn Hồng Hoa	Sinh học - Công nghệ sinh học
209	24150162	Đặng Trần Gia Linh	Sinh học - Công nghệ sinh học
210	24150168	Đào Trương Trà My	Sinh học - Công nghệ sinh học
211	24150172	Đặng Hồ Bảo Ngân	Sinh học - Công nghệ sinh học
212	24150189	Lê Đặng Hoàng Oanh	Sinh học - Công nghệ sinh học
213	24150201	Trần Thị Trúc Quỳnh	Sinh học - Công nghệ sinh học
214	24150217	Cao Hữu Tín	Sinh học - Công nghệ sinh học
215	24150227	Châu Hoàng Nhã Trúc	Sinh học - Công nghệ sinh học
216	24150236	Trương Thị Thảo Uyên	Sinh học - Công nghệ sinh học
217	24150240	Bùi Nguyễn Hoài Vỹ	Sinh học - Công nghệ sinh học
218	24160007	Lê Trần Thiện Tâm	Địa chất
219	24170040	Trần Ngọc Phương Anh	Môi trường
220	24180013	Nguyễn Minh Khá	Sinh học - Công nghệ sinh học
221	24180019	Nguyễn Hoàng Minh	Sinh học - Công nghệ sinh học
222	24180027	Huỳnh Nam Phong	Sinh học - Công nghệ sinh học
223	24180166	Phạm Như Quỳnh	Sinh học - Công nghệ sinh học
224	24180223	Nguyễn Chí Vỹ	Sinh học - Công nghệ sinh học
225	24180226	Đoàn Thái Minh Ý	Sinh học - Công nghệ sinh học
226	24190003	Huỳnh Hoàng Đạo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

227	24190005	Phan Đức Duy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
228	24190032	Nguyễn Thị Thanh Hoài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
229	24190040	Ninh Tuấn Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
230	24190042	Võ Thị Xuân Ánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
231	24190054	Lê Nguyễn Bảo Duy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
232	24190061	Nguyễn Huỳnh Khánh Hà	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
233	24190067	Trần Thị Lan Hương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
234	24190108	Huỳnh Mỹ Nữ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
235	24190138	Trần Điền Thịnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
236	24190139	Lê Thị Huyền Thương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
237	24190159	Nguyễn Thị Kiều Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
238	24190160	Phạm Thị Tuyết Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
239	24190162	Võ Tuyết Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
240	24190166	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
241	24197004	Hà Nguyễn Anh Quân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
242	24197040	Lê Trần Đình Tuấn Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
243	24200037	Hà Đức Thế Vinh	Điện tử - Viễn thông
244	24200039	Nguyễn Nhật Mai	Điện tử - Viễn thông
245	24210006	Mai Tấn Hoàng Lâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
246	24210009	Nguyễn Hữu Thắng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
247	24220030	Nguyễn Thiên Phát Đạt	Môi trường
248	24220039	Mai Thẩm Thuỳ Duyên	Môi trường
249	24220049	Nguyễn Thái Minh Hùng	Môi trường
250	24220054	Trần Nguyễn Huỳnh Hương	Môi trường
251	24220058	Nguyễn Quốc Huy	Môi trường
252	24220065	Lê Phan Trí Kiệt	Môi trường
253	24220069	Trần Văn Hoàng Lâm	Môi trường
254	24220077	Văn Thị Kim Ngân	Môi trường

255	24220107	Mai Nguyễn Minh Thơ	Môi trường
256	24220110	Trần Nguyễn Anh Thư	Môi trường
257	24230004	Hà Công Danh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
258	24230010	Nguyễn Duy Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
259	24230012	Nguyễn Vĩnh Thiên Kim	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
260	24230013	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
261	24230014	Trần Thị Yến Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
262	24230015	Đặng Thái Phong	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
263	24230016	Huỳnh Thục Quyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
264	24230021	Nguyễn Thuỳ Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
265	24230023	Lê Đức Anh Tuấn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
266	24230024	Hoàng Thị Phương Uyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
267	24230027	Phạm Kỳ Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
268	24230029	Nguyễn Lương Thiên Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
269	24230031	Hàng Bảo Định	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
270	24230032	Vũ Minh Đức	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
271	24230033	Trần Thị Thu Hương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
272	24230034	Lê Hồ Gia Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
273	24230035	Huỳnh Hùng Lâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
274	24230038	Danh Bảo Luân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
275	24230039	Lương Huệ Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
276	24230041	Hồ Ngọc Khả Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
277	24230051	Nguyễn Anh Tuấn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
278	24230054	Phạm Thúc Vinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
279	24230055	Nguyễn Thúy Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
280	24250021	Hồ Thị Thúy Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
281	24250051	Nguyễn Khánh Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
282	24250093	Nguyễn Duy Minh Quân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
283	24250107	Nguyễn Hương Trà	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
284	24260022	Lê Gia Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
285	24260023	Nguyễn Kim Thiên Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
286	24260057	Trương Ngọc Bích Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
287	24270024	Nguyễn Hồng Ngọc	Địa chất
288	24270027	Lê Nam Phúc	Địa chất
289	24280026	Phạm Thị Diệu Thùy	Toán - Tin học
290	24280086	Trần Quách Đông Nghi	Toán - Tin học
291	24280116	Vũ Thị Thúy Vy	Toán - Tin học

292	24290073	Trần An Nhiên	Môi trường
293	24290086	Trần Thị Tuyết Trâm	Môi trường
294	25110024	Bùi Thành Đạt	Toán - Tin học
295	25110033	Nguyễn Lê Minh Đức	Toán - Tin học
296	25110039	Lê Võ Hoàng Hà	Toán - Tin học
297	25110055	Đào Nguyễn Quốc Khang	Toán - Tin học
298	25110065	Võ Tuấn Khương	Toán - Tin học
299	25110068	Lê Phạm Phi Loan	Toán - Tin học
300	25110072	Vũ Hoàng Long	Toán - Tin học
301	25110080	Nguyễn Thanh Ngoan	Toán - Tin học
302	25110086	Lê Long Nhật	Toán - Tin học
303	25110088	Huỳnh Yến Nhi	Toán - Tin học
304	25110092	Bùi Quỳnh Như	Toán - Tin học
305	25110105	Lê Phan Minh Quân	Toán - Tin học
306	25110114	Vòng Đại Thắng	Toán - Tin học
307	25110117	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Toán - Tin học
308	25110124	Lê Huy Thông	Toán - Tin học
309	25110164	Huỳnh Hoàng Huy	Toán - Tin học
310	25110174	Võ Lê Uyên Thơ	Toán - Tin học
311	25110189	Nguyễn Phúc Châu	Toán - Tin học
312	25110191	Lê Đan	Toán - Tin học
313	25110198	Lê Đỗ Bảo Duy	Toán - Tin học
314	25110232	Tô Hữu Quốc	Toán - Tin học
315	25110233	Trần Lê Diễm Quỳnh	Toán - Tin học
316	25120018	Đỗ Hồng Ân	Công nghệ thông tin
317	25120025	Đặng Khánh Bình	Công nghệ thông tin
318	25120041	Trần Hoàng Trí Dũng	Công nghệ thông tin
319	25120047	Đặng Nguyễn Nhật Duy	Công nghệ thông tin
320	25120081	Trần Huỳnh Minh Khôi	Công nghệ thông tin
321	25120086	Bùi Hoàng Linh	Công nghệ thông tin
322	25120090	Bùi Hữu Lộc	Công nghệ thông tin
323	25120107	Vũ Ngọc Quỳnh Nga	Công nghệ thông tin
324	25120110	Hồ Trung Nguyên	Công nghệ thông tin
325	25120115	Tô Ngọc Quỳnh Như	Công nghệ thông tin
326	25120116	Nguyễn Hoàng Oanh	Công nghệ thông tin
327	25120130	Cao Hoài Sang	Công nghệ thông tin
328	25120133	Trần Nguyễn Lê Anh Tài	Công nghệ thông tin
329	25120137	Trần Quang Thắng	Công nghệ thông tin
330	25120142	Hoàng Bảo Thy	Công nghệ thông tin
331	25120146	Nguyễn Thanh Trung	Công nghệ thông tin
332	25120162	Đào Khánh Băng	Công nghệ thông tin

333	25120164	Hoàng Kim Bảo	Công nghệ thông tin
334	25120172	Nguyễn Hoàng Châu	Công nghệ thông tin
335	25120173	Hà Thiện Danh	Công nghệ thông tin
336	25120175	Phạm Nguyễn Thành Đạt	Công nghệ thông tin
337	25120189	Vũ Ngọc Tuấn Hùng	Công nghệ thông tin
338	25120191	Đỗ Xuân Huy	Công nghệ thông tin
339	25120201	Đặng Giang Linh	Công nghệ thông tin
340	25120208	Phạm Hồng Minh	Công nghệ thông tin
341	25120209	Sok Minh	Công nghệ thông tin
342	25120214	Nguyễn Thiện Nhân	Công nghệ thông tin
343	25120217	Đoàn Tấn Phát	Công nghệ thông tin
344	25120226	Phạm Đăng Quang	Công nghệ thông tin
345	25120239	Đinh Bảo Thy	Công nghệ thông tin
346	25120240	Nguyễn Hoàng Mộng Thy	Công nghệ thông tin
347	25120243	Dương Minh Tòng	Công nghệ thông tin
348	25120254	Lư Chấn Vỹ	Công nghệ thông tin
349	25120262	Trần Đăng Khoa	Công nghệ thông tin
350	25120264	Võ Ngọc Linh	Công nghệ thông tin
351	25120271	Lê Nguyễn Như Quỳnh	Công nghệ thông tin
352	25120286	Trần Duy Bảo	Công nghệ thông tin
353	25120288	Bùi Văn Bình	Công nghệ thông tin
354	25120303	Dương Tấn Dũng	Công nghệ thông tin
355	25120319	Nguyễn Thái Hòa	Công nghệ thông tin
356	25120343	Trương Phát Huy	Công nghệ thông tin
357	25120345	Nguyễn Hà Nam Kha	Công nghệ thông tin
358	25120351	Phạm Thái Khang	Công nghệ thông tin
359	25120357	Nguyễn Văn Khánh	Công nghệ thông tin
360	25120362	Mai Nguyễn Đăng Khoa	Công nghệ thông tin
361	25120370	Trần Tuấn Kiệt	Công nghệ thông tin
362	25120371	Cù Đức Lâm	Công nghệ thông tin
363	25120376	Ngô Nguyễn Hoàng Long	Công nghệ thông tin
364	25120382	Phạm Duy Minh	Công nghệ thông tin
365	25120387	Nguyễn Kim Ngân	Công nghệ thông tin
366	25120391	Cao Hữu Nghĩa	Công nghệ thông tin
367	25120392	Lâm Trung Nghĩa	Công nghệ thông tin
368	25120429	Tô Phước Sang	Công nghệ thông tin
369	25120447	Trịnh Văn Tiến	Công nghệ thông tin
370	25120450	Võ Ngọc Bảo Trân	Công nghệ thông tin
371	25120453	Mai Hữu Trí	Công nghệ thông tin
372	25120457	Võ Minh Triết	Công nghệ thông tin
373	25120460	Nguyễn Quang Trường	Công nghệ thông tin

374	25120484	Phan Anh Tuấn	Công nghệ thông tin
375	25130009	Võ Nhất Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
376	25130012	Bùi Đức Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
377	25130016	Võ Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
378	25130019	Trần Lê Xuân Bách	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
379	25130020	Trịnh Doãn Bách	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
380	25130023	Nguyễn Lê Bảo Châu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
381	25130028	Huỳnh Tấn Dũng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
382	25130041	Đặng Thế Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
383	25130045	Nguyễn Duy Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
384	25130046	Nguyễn Quang Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
385	25130060	Hà Lê Minh Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
386	25130067	Lê Hữu Lâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
387	25130068	Nguyễn Tấn Lộc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
388	25130075	Trần Phương Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
389	25130085	Vũ Hoàng Phong	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
390	25130090	Khuong Nguyễn Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
391	25130092	Phan Đăng Quang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
392	25130093	Trần Bửu Tài	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
393	25130094	Trần Chí Tân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
394	25130100	Trần Ngọc Thành	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
395	25130102	Nguyễn Quốc Thịnh Thiên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
396	25130106	Huỳnh Bảo Thuận	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
397	25130107	Huỳnh Ngọc Anh Thy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
398	25130113	Phạm Tuấn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
399	25130123	Phạm Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
400	25130129	Võ Ngọc Ánh Dương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
401	25130135	Phạm Quang Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
402	25130136	Phạm Trúc Huỳnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
403	25130143	Nguyễn Đình Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
404	25130146	Chu Hải Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
405	25130148	Trần Ngọc Như Quỳnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
406	25130161	Trần Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
407	25130162	Lê Thị Ánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
408	25130165	Châu Trần Phi Cơ	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
409	25130175	Trần Tấn Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
410	25130195	Văn Công Huân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
411	25130204	Mai Lê Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
412	25130211	Huỳnh Lê Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
413	25130212	Trịnh Gia Khang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
414	25130214	Võ Hoàng Anh Khoa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

415	25130219	Lê Ngọc Anh Kiệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
416	25130226	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
417	25130227	Lê Thanh Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
418	25130228	Phan Duy Mạnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
419	25130234	Nguyễn Hoài Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
420	25130236	Dương Hồ Bảo Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
421	25130239	Sơn Thái Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
422	25130242	Nguyễn Minh Nhật	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
423	25130243	Phan Minh Nhật	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
424	25130244	Trần Thành Nguyên Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
425	25130247	Nguyễn Hữu Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
426	25130261	Tôn Long Hữu Thời	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
427	25130262	Phan Ngọc Huệ Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
428	25130267	Phan Thị Thùy Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
429	25130268	Nguyễn Minh Trí	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
430	25130271	Cao Trung Trực	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
431	25130274	Trần Quang Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
432	25130277	Trần Thanh Tùng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
433	25140012	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Hóa học
434	25140015	Vũ Trương Ngọc Ánh	Hóa học
435	25140040	Lại Gia Linh	Hóa học
436	25140053	Đặng Đông Phát	Hóa học
437	25140056	Châu Đình Quốc Phú	Hóa học
438	25140068	Nguyễn Ngọc Thanh Thy	Hóa học
439	25140073	Lê Trịnh Cẩm Tú	Hóa học
440	25140083	Phạm Thị Ngọc Anh	Hóa học
441	25140085	Nguyễn Hoàng Bách	Hóa học
442	25140107	Trần Bảo Đăng Khoa	Hóa học
443	25140109	Nguyễn Võ Hoàng Kim	Hóa học
444	25140117	Trần Ngọc Ngân	Hóa học
445	25140120	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	Hóa học
446	25140133	Long Đỗ Chí Thanh	Hóa học
447	25140137	Đinh Phúc Thịnh	Hóa học
448	25140138	Hoàng Thủy Tiên	Hóa học
449	25140149	Nguyễn Trịnh Kiều An	Hóa học
450	25140169	Nguyễn Văn Hào	Hóa học
451	25140176	Trương Khánh Huy	Hóa học
452	25140183	Phan Hoàng Linh	Hóa học
453	25140188	Nguyễn Trần Bình Nguyên	Hóa học
454	25140202	Dương Trung Quốc	Hóa học
455	25140215	Võ Huỳnh Minh Triết	Hóa học

456	25140222	Nguyễn Lê Anh Vũ	Hóa học
457	25140226	Phan Thị Kim Yến	Hóa học
458	25147027	Đoàn Dạ Minh Khuê	Hóa học
459	25150025	Nguyễn Gia	Sinh học - Công nghệ sinh học
460	25150028	Lê Ngọc Khánh Hân	Sinh học - Công nghệ sinh học
461	25150029	Võ Thị Bảo Hân	Sinh học - Công nghệ sinh học
462	25150032	Trịnh Thị Hồng	Sinh học - Công nghệ sinh học
463	25150034	Dương Nguyễn Thanh Hương	Sinh học - Công nghệ sinh học
464	25150044	Nguyễn Phạm Tường Lam	Sinh học - Công nghệ sinh học
465	25150076	Võ Ngọc Nam Phương	Sinh học - Công nghệ sinh học
466	25150082	Lê Khánh Quỳnh	Sinh học - Công nghệ sinh học
467	25150085	Phạm Nguyễn Đức Tài	Sinh học - Công nghệ sinh học
468	25150087	Lê Trần Uyên Thanh	Sinh học - Công nghệ sinh học
469	25150099	Sầm Thị Bảo Thy	Sinh học - Công nghệ sinh học
470	25150102	Phạm Ngọc Thủy Tiên	Sinh học - Công nghệ sinh học
471	25150107	Tiêu Trần Trân	Sinh học - Công nghệ sinh học
472	25150113	Trần Nguyễn Nhã Trúc	Sinh học - Công nghệ sinh học
473	25150154	Trần Võ Minh Anh	Sinh học - Công nghệ sinh học
474	25150158	Phạm Thái Bảo	Sinh học - Công nghệ sinh học
475	25150173	Lê Ngọc Thiên Hương	Sinh học - Công nghệ sinh học
476	25150178	Trương Nguyễn Ngọc Huyền	Sinh học - Công nghệ sinh học
477	25150190	Đinh Xuân Mai	Sinh học - Công nghệ sinh học
478	25150200	Phạm Như Ngọc	Sinh học - Công nghệ sinh học

479	25150201	Trương Bảo Ngọc	Sinh học - Công nghệ sinh học
480	25150213	Trần Bội San	Sinh học - Công nghệ sinh học
481	25160040	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Địa chất
482	25160050	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Địa chất
483	25160073	Lê Quốc Hiếu	Địa chất
484	25160076	Nguyễn Minh Huy	Địa chất
485	25160085	Nguyễn Thị Diệu Linh	Địa chất
486	25170019	Nguyễn Hoàng Gia Hân	Môi trường
487	25170032	Nguyễn Vũ Kha	Môi trường
488	25170074	Võ Anh Tài	Môi trường
489	25170085	Huỳnh Minh Thư	Môi trường
490	25170093	Võ Đoàn Khánh Vân	Môi trường
491	25170094	Huỳnh Lê Phương Vy	Môi trường
492	25170095	Nguyễn Phan Hoàng Yến	Môi trường
493	25170126	Đào Xuân Mai	Môi trường
494	25170138	Đinh Trường Thịnh	Môi trường
495	25170139	Nguyễn Gia Thịnh	Môi trường
496	25170147	Trần Anh Tú	Môi trường
497	25180001	Huỳnh Nhân	Sinh học - Công nghệ sinh học
498	25180003	Đỗ Thanh Truyền	Sinh học - Công nghệ sinh học
499	25180007	Cái Nguyễn Châu Anh	Sinh học - Công nghệ sinh học
500	25180012	Nguyễn Ái Gia Bảo	Sinh học - Công nghệ sinh học
501	25180029	Lê Gia Huy	Sinh học - Công nghệ sinh học
502	25180038	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Sinh học - Công nghệ sinh học
503	25180047	Lê Thị Thu Ngân	Sinh học - Công nghệ sinh học
504	25180048	Trần Thiên Ngân	Sinh học - Công nghệ sinh học
505	25180054	Dương Minh Như	Sinh học - Công nghệ sinh học
506	25180056	Tăng Ái Như	Sinh học - Công nghệ sinh học
507	25180057	Lê Mỹ Phụng	Sinh học - Công nghệ sinh học

508	25180063	Mai Minh Quân	Sinh học - Công nghệ sinh học
509	25180066	Lâm Gia Quỳnh	Sinh học - Công nghệ sinh học
510	25180071	Lư Gia Thành	Sinh học - Công nghệ sinh học
511	25180074	Phạm Lang Phương Thảo	Sinh học - Công nghệ sinh học
512	25180086	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	Sinh học - Công nghệ sinh học
513	25180098	Nguyễn Đăng Trình	Sinh học - Công nghệ sinh học
514	25180104	Trần Ngọc Thanh Vân	Sinh học - Công nghệ sinh học
515	25180114	Nguyễn Thái An	Sinh học - Công nghệ sinh học
516	25180116	Hoàng Anh	Sinh học - Công nghệ sinh học
517	25180117	Mai Phương Anh	Sinh học - Công nghệ sinh học
518	25180124	Trương Thục Di	Sinh học - Công nghệ sinh học
519	25180129	Phạm Thị Ngọc Hằng	Sinh học - Công nghệ sinh học
520	25180130	Trần Tấn Hoài	Sinh học - Công nghệ sinh học
521	25180139	Nguyễn Thị Diễm Mi	Sinh học - Công nghệ sinh học
522	25180145	Nguyễn Thị Như Ngọc	Sinh học - Công nghệ sinh học
523	25180146	Nguyễn Thùy Bảo Ngọc	Sinh học - Công nghệ sinh học
524	25180149	Nguyễn Lê Quỳnh Như	Sinh học - Công nghệ sinh học
525	25180164	Hồ Lê Bảo Trân	Sinh học - Công nghệ sinh học
526	25180183	Nguyễn Việt Đức	Sinh học - Công nghệ sinh học
527	25180191	Trần Thị Thu Huyền	Sinh học - Công nghệ sinh học
528	25180195	Trần Xuân Kiều	Sinh học - Công nghệ sinh học
529	25180198	Hà Giang Long	Sinh học - Công nghệ sinh học

530	25180205	Võ Hoàng Yến Ngọc	Sinh học - Công nghệ sinh học
531	25180220	Nguyễn Quỳnh Thy	Sinh học - Công nghệ sinh học
532	25180226	Ngô Hữu Tùng	Sinh học - Công nghệ sinh học
533	25190004	Phạm Nguyễn Thịnh An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
534	25190010	Vũ Phạm Quỳnh Chi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
535	25190027	Nguyễn Quỳnh Hương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
536	25190033	Nguyễn Lê Hoàng Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
537	25190043	Nguyễn Hoàng Yến Linh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
538	25190069	Trần Thị Ngọc Tâm	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
539	25190070	Dư Quang Thắng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
540	25190076	Nguyễn Trần Thủy Tiên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
541	25190079	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
542	25190082	Nguyễn Thị Nhã Trúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
543	25190100	Lâm Minh Triết	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
544	25190138	Trương Thành Luân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
545	25197002	Vũ Nguyễn Diệu An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
546	25200014	Phan Huỳnh Trung Dũng	Điện tử - Viễn thông
547	25210003	Trần Ngọc Bảo Châu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
548	25210006	Khương Gia Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
549	25210015	Võ Ngọc Minh Khuê	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
550	25210024	Trần Ngọc Thanh Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
551	25210028	Đỗ Thị Thanh Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
552	25210043	Phan Tố Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
553	25210049	Phạm Thanh Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
554	25210053	Lê Anh Tường Vân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
555	25220055	Nguyễn Trúc Quỳnh	Môi trường
556	25220072	Nguyễn Văn Tú	Môi trường
557	25220090	Trần Quỳnh Chi	Môi trường

558	25220120	Phan Thị Anh Thy	Môi trường
559	25230002	Nguyễn Ngọc Hồng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
560	25230003	Lê Duy Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
561	25230009	Võ Đăng Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
562	25230010	Đỗ Thành Lộc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
563	25230012	Huỳnh Trung Nghĩa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
564	25230022	Lê Phương Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
565	25230025	Nguyễn Thị Lệ Trinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
566	25230027	Lê Trịnh Tường Vi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
567	25230031	Trần Ngọc Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
568	25230032	Nguyễn Văn Chương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
569	25230036	Diệp Thị Ngọc Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
570	25230038	Nguyễn Ngọc Hiếu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
571	25230042	Nguyễn Bình Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
572	25230044	Đỗ Bắc Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
573	25230046	Kiều Minh Nhật	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
574	25230051	Hỷ Phú Vinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
575	25250017	Trần Đình Hiếu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
576	25250024	Trần Gia Huy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
577	25250026	Võ Tấn Bảo Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
578	25250062	Nguyễn Võ Mai Quỳnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
579	25250067	Đinh Tấn Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
580	25250071	Lê Công Thành	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
581	25250089	Quách Thanh Tùng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
582	25250092	Trần Hà Hoàng Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
583	25250101	Phạm Ngọc Thiên Thu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
584	25250107	Trần Như Ý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
585	25250111	Phạm Thị Ngọc An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
586	25250117	Mạc Minh Chánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
587	25250123	Nguyễn Thành Đạt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

588	25250127	Nguyễn Đức Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
589	25250136	Trần Lê Ái My	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
590	25250138	Dương Quang Phúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
591	25250157	Nguyễn Huỳnh Phước Vinh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
592	25260002	Phạm Nhật Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
593	25260006	Nguyễn Thùy Dương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
594	25260010	Bành Vĩnh Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
595	25260012	Vũ Mai Khanh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
596	25260013	Nguyễn Hoàng Khánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
597	25260016	Quách Ngọc Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
598	25260018	Trần Xuân Nga	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
599	25260022	Nguyễn Phạm Mai Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
600	25260023	Nguyễn Phan Hoàng Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
601	25260024	Trần Nguyễn Anh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
602	25260025	Viên Ngọc Thúy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
603	25260028	Nguyễn Dương Minh Tuyền	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
604	25260033	Cao Ngọc Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
605	25260035	Hồ Mai Phương Quỳnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
606	25260042	Bùi Trần Gia Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
607	25260043	Lý Hoàng Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
608	25260045	Lê Đình Khương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
609	25260048	Nguyễn Minh Thảo Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
610	25260050	Nguyễn Thị Hiền Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
611	25270016	Đặng Nguyễn Thanh Vân	Địa chất
612	25270027	Trần Thị Kim Ngọc	Địa chất
613	25280002	Lâm Minh Thư	Toán - Tin học
614	25280007	Huỳnh Huyền Trân	Toán - Tin học
615	25280027	Tôn Thất Thiện Minh	Toán - Tin học
616	25280039	Nguyễn Quỳnh Phương	Toán - Tin học
617	25280053	Phạm Trần Phương Vy	Toán - Tin học
618	25280054	Phan Nguyễn Tường Vy	Toán - Tin học
619	25280056	Ngô Gia Bảo	Toán - Tin học
620	25280060	Võ Trần Đức Huy	Toán - Tin học
621	25280067	Hoàng Công Minh	Toán - Tin học
622	25280070	Phạm Thị Ngọc Như	Toán - Tin học
623	25280085	Nguyễn Anh Kiệt	Toán - Tin học
624	25280097	Vũ Tuấn Đạt	Toán - Tin học

625	25280098	Nguyễn Trần Ngọc Diệp	Toán - Tin học
626	25280104	Nguyễn Trọng Phước Hưng	Toán - Tin học
627	25280110	Vũ Hoàng Khiêm	Toán - Tin học
628	25280119	Nguyễn Thanh Phong	Toán - Tin học
629	25290003	Lý Lê Hà Anh	Môi trường
630	25290008	Tạ Phương Chi	Môi trường
631	25290031	Nguyễn Yến Nhi	Môi trường
632	25290042	Nguyễn Thu Thảo	Môi trường
633	25290056	Võ Ngọc Hoàng Yến	Môi trường
634	25290063	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Môi trường
635	25290089	Châu Nguyễn Minh Thư	Môi trường
636	25300012	Nguyễn Đức Khải	Điện tử - Viễn thông
637	25300031	Lê Quý Thanh Thiên	Điện tử - Viễn thông
638	25300038	Trịnh Thị Huyền Trâm	Điện tử - Viễn thông
639	25300052	Huỳnh Thái Dương	Điện tử - Viễn thông
640	25310015	Nguyễn Ngọc Kiều Linh	Khoa học liên ngành
641	25310016	Nguyễn Lê Xuân Lý	Khoa học liên ngành
642	25310021	Nguyễn Đặng Kim Ngân	Khoa học liên ngành
643	25310029	Trần Nguyên Phương	Khoa học liên ngành
644	25310033	Trần Thị Thu Thảo	Khoa học liên ngành
645	25310036	Đậu Hoàng Minh Thư	Khoa học liên ngành
646	25310037	Nguyễn Anh Thư	Khoa học liên ngành
647	25310038	Nguyễn Hoàng Anh Thư	Khoa học liên ngành
648	25310045	Tạ Phương Trinh	Khoa học liên ngành
649	25310052	Trần Thị Phụng Nhi	Khoa học liên ngành
650	22147139	Võ Ngọc Bảo Trân	Hóa học
651	23207134	Phạm Quốc Trung	Điện tử - Viễn thông
652	24130011	Đặng Ngọc Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
653	24130146	Lê Khánh Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
654	24130004	Nguyễn Ngọc Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
655	24130144	Võ Thành Cường	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
656	24210019	Nguyễn Quốc Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
657	24210070	Nguyễn Phương Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
658	24210045	Huỳnh Tuyết Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
659	24230001	Lê Phú An	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
660	25130030	Phùng Đức Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
661	25130256	Nguyễn Thái Tấn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
662	25210032	Ngô Nhật Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
663	25260037	Nguyễn Phương Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
664	25260049	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
665	25137038	Trần Tú Lan	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

666	25137094	Đăng Chí Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
-----	----------	--------------	--------------------------

Danh sách gồm có **61** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2025

**TM. LIÊN CHI HỘI KHOA
VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT
LIÊN CHI HỘI TRƯỞNG**

Người lập bảng

Nguyễn Nhật Đăng

Nguyễn Nhật Đăng